

BÁO CÁO TÌNH HÌNH THANH TOÁN VỐN ĐẦU TƯ CÔNG THÁNG 02 NĂM 2025

Từ ngày 01/01/2025 đến ngày 28/02/2025

Đơn vị tính: triệu đồng

STT	Nội dung	Kế hoạch và giải ngân vốn kế hoạch các năm trước được kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân sang năm 2025			Kế hoạch và giải ngân năm 2025			Ghi chú
		Kế hoạch	Giải ngân	Tỷ lệ	Kế hoạch	Giải ngân	Tỷ lệ	
	TỔNG CỘNG (A+B)	13,653	2,717	19.90%	11,717,317	505,011	4.31%	
A	DỰ ÁN DO BỘ, NGÀNH QUẢN LÝ	6,390	-	0.00%	653,819	117,947	18.04%	
I	Tòa án nhân dân tối cao	-	-	-	7,500	-	0.00%	
1	7939089 - XD mới trụ sở làm việc Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang				7,500	-	0.00%	
II	Viện kiểm sát Nhân dân tối cao	-	-	-	19,500	3,500	17.95%	
1	7564523 - Trụ sở Viện kiểm sát ND tỉnh Kiên Giang.				19,500	3,500	17.95%	
III	Bộ Quốc phòng	-	-	-	104,360	21,797	20.89%	
1	081100021 - Xây dựng doanh trại các đơn vị thuộc BCHQS tỉnh Kiên Giang/Quân khu 9				24,300	16,296	67.06%	
2	081100029 - Xây dựng 02 Đồn Biên phòng Tây Yên (722) và Vĩnh Điều (965) Bộ Chỉ huy BDBP tỉnh Kiên Giang				42,725	-	0.00%	
3	700468603 - Đầu tư XDCT khu KTQP Tứ giác Long Xuyên/QK9 (GĐ3)				37,335	5,501	14.74%	
IV	Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn				315,240	20,898	6.63%	
1	7923678 - Khu neo đậu tránh trú bão cho tàu cá đảo Nam Du				232,240	6,316	2.72%	
2	DA thành phần số 5: Các công trình cấp nước TT nông thôn tỉnh Kiên Giang thuộc DACT trữ nước và HT cấp nước sinh hoạt tại các vùng có nguồn nước bị ô nhiễm,....				83,000	14,582	17.57%	
V	Bộ Tư pháp	-	-	-	30,693	1,196	3.90%	
1	7556555 - Cải tạo mở rộng trụ sở Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phú Quốc tỉnh Kiên Giang				303	-	0.00%	
2	7558995 - Trụ sở làm việc THADS huyện Giang Thành.				390	-	0.00%	
3	8050907 - Dự án đầu tư Trụ sở cơ quan Thi hành án dân sự giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Kiên Giang				30,000	1,196	3.99%	
VI	Bộ Giao thông Vận Tải	6,390	-	0.00%	176,526	70,556	39.97%	
1	7945696 - Dự án thành phần đoạn Hậu Giang – Cà Mau thuộc Dự án xây dựng công trình đường bộ cao tốc Bắc – Nam phía Đông giai đoạn 2021 – 2025				98,000	-	0.00%	
2	Dự án đầu tư xây dựng đường Hồ Chí Minh đoàn Rạch Sỏi-Bến Nhất-Gò Quao-Vĩnh Thuận-Huyện Vĩnh Thuận				2,500		0.00%	
3	Dự án đầu tư xây dựng đường Hồ Chí Minh đoàn Rạch Sỏi-Bến Nhất-Gò Quao-Vĩnh Thuận-Huyện Gò Quao				12,608	12,608	100.00%	

STT	Nội dung	Kế hoạch và giải ngân vốn kế hoạch các năm trước được kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân sang năm 2025			Kế hoạch và giải ngân năm 2025			Ghi chú
		Kế hoạch	Giải ngân	Tỷ lệ	Kế hoạch	Giải ngân	Tỷ lệ	
4	Dự án đầu tư xây dựng đường Hồ Chí Minh đoàn Rạch Sỏi-Bến Nhất-Gò quao-Vĩnh Thuận-Huyện Châu Thành				15,000	9,530	63.53%	
5	8054883 - Tiểu dự án GPMB, TĐC công trình cầu Vàm xáng Thị đội - Giồng Riềng (thuộc DA Nâng cao tỉnh không các cầu đường bộ cắt qua tuyến đường thủy nội địa quốc gia - GĐ1 KV phía nam)	6,390		0.00%				
6	120092032 - Tiểu DA GPMB 1B-DA đường hành lang ven biển phía Nam				20,000	20,000	100.00%	
7	120092033 - Tiểu dự án GPMB 2 Kiên Giang-DA Đường HL ven biển phí Nam				11,003	11,003	100.00%	
8	120092034 - Tiểu dự án GPMB 3 DA Đường hành lang ven biển ĐPVN				17,415	17,415	100.00%	
B	DỰ ÁN DO ĐỊA PHƯƠNG QUẢN LÝ	7,263	2,717	37.41%	11,063,498	387,064	3.50%	
	NGUỒN VỐN NGÂN SÁCH TỈNH (HĐND TỈNH GIAO)	7,263	2,717	37.41%	11,063,498	387,064	3.50%	
I	Dự án tỉnh quản lý	1,106	338	30.55%	7,078,818	303,883	4.29%	
I.1	BCH Bộ đội biên phòng tỉnh	-	-		68,413	-	0.00%	
1	Đồn Biên phòng Cửa khẩu cảng Hòn Chông				1,620	-	0.00%	
2	Trạm Kiểm soát Biên phòng Rạch Giá				662	-	0.00%	
3	Trạm Kiểm soát Biên phòng Kim Quy				458	-	0.00%	
4	Đồn Biên phòng Thổ Châu (770)				392	-	0.00%	
5	Đồn Biên phòng Tiên Hải (738)				553	-	0.00%	
6	Trạm Kiểm soát Biên phòng Đồi Mồi				11,414	-	0.00%	
7	Trạm Kiểm soát Biên phòng Xẻo Nhàu				200	-	0.00%	
8	Dự án đồn Biên phòng Xẻo Nhàu (714), xã Tân Thạnh, huyện An Minh				49,630	-	0.00%	
9	Hệ thống kiểm soát an ninh công nghệ cao cho 03 trạm kiểm soát biên phòng.				2,492	-	0.00%	
10	Cải tạo, sửa chữa và mua sắm thiết bị, doanh cụ công trình Bộ Chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh Kiên Giang				600	-	0.00%	
11	Trạm kiểm soát Biên phòng Hòn Nghệ				392	-	0.00%	
I.2	BCH Quân sự tỉnh	-	-		320,647	11,509	3.59%	
1	Ban Chỉ huy Quân sự phường Mỹ Đức; Ban Chỉ huy Quân sự phường Bình San thuộc thành phố Hà Tiên				4,327	-	0.00%	
2	Ban Chỉ huy Quân sự xã Phú Mỹ; Ban Chỉ huy Quân sự xã Tân Khánh Hoà thuộc huyện Giang Thành				4,332	-	0.00%	
3	Ban Chỉ huy Quân sự xã Bàn Thạch; Ban Chỉ huy Quân sự xã Hoà Thuận; Ban Chỉ huy Quân sự xã Thạnh Bình thuộc huyện Giồng Riềng				5,996	-	0.00%	
4	Ban Chỉ huy Quân sự xã Hưng Yên; Ban Chỉ huy Quân sự xã Đông Thái thuộc huyện An Biên; Ban Chỉ huy Quân sự xã Thuận Hoà huyện An Minh				5,992	-	0.00%	

STT	Nội dung	Kế hoạch và giải ngân vốn kế hoạch các năm trước được kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân sang năm 2025			Kế hoạch và giải ngân năm 2025			Ghi chú
		Kế hoạch	Giải ngân	Tỷ lệ	Kế hoạch	Giải ngân	Tỷ lệ	
5	081100016 - Dự án Xây dựng một số hạng mục trong khu vực phòng thủ tỉnh Kiên Giang				300,000	11,509	3.84%	
I.3	Công an tỉnh	-	-		93,169	28,793	30.90%	
1	Trụ sở làm việc Đội chữa cháy và cứu hộ cứu nạn khu vực Phường Vĩnh Quang thuộc Công an tỉnh Kiên Giang.				12,630	-	0.00%	
2	Trụ sở làm việc công an các xã: Đông Hưng, Hưng Yên, Long Thạnh, Bình An (Kiên Lương), Vĩnh Phong, Nam Yên và cải tạo, sửa chữa, xây dựng mới CSLV công an xã Bình An (Châu Thành) thuộc công an tỉnh Kiên Giang.				6,300	973	15.44%	
3	Trạm công an kiểm soát giao thông đường thủy Tắc Cậu thuộc công an tỉnh Kiên Giang.				239	-	0.00%	
4	Cơ sở làm việc Công an tỉnh Kiên Giang (giai đoạn I) - (Đối ứng vốn Bộ công an)				50,000	12,733	25.47%	
5	Cơ sở làm việc Công an tỉnh Kiên Giang (giai đoạn II) - (Đối ứng vốn Bộ công an)				24,000	15,086	62.86%	
I.4	Sở giáo dục và đào tạo	-	-		10,665	59	0.56%	
1	Nâng cấp, sửa chữa Trường Phổ thông dân tộc nội trú Trung học cơ sở An Biên				3,505	35	0.99%	
2	Nâng cấp, sửa chữa Trường Phổ thông dân tộc nội trú Trung học cơ sở Giồng Riềng				2,319	-	0.00%	
3	Nâng cấp, sửa chữa Trường Phổ thông dân tộc nội trú Trung học cơ sở Châu Thành				1,418	24	1.73%	
4	Nâng cấp, sửa chữa Trường Phổ thông dân tộc nội trú Trung học cơ sở Gò Quao				2,075	-	0.00%	
5	Nâng cấp, sửa chữa Trường Phổ thông dân tộc nội trú Trung học cơ sở Hà Tiên				1,348	-	0.00%	
I.5	Sở giao thông vận tải	-	-	-	628,550	16,210	2.58%	
1	Dự án nâng cấp đường Thứ 2 đến Công Sự, huyện An Biên và U Minh Thượng.				1,010	-	0.00%	
2	Đầu tư xây dựng đường tỉnh ĐT.964; hạng mục xd cầu; huyện An Biên, An Minh				400	-	0.00%	
3	Nâng cấp, mở rộng đường tỉnh ĐT.963B (đoạn Bến Nhứt - Giồng Riềng)				600	-	0.00%	
4	Dự án đầu tư xây dựng công trình nâng cấp, mở rộng đường Dương Đông - Cửa Cạn - Gành Dầu và xây dựng mới nhánh nối với đường trục Nam - Bắc				6,568	-	0.00%	

STT	Nội dung	Kế hoạch và giải ngân vốn kế hoạch các năm trước được kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân sang năm 2025			Kế hoạch và giải ngân năm 2025			Ghi chú
		Kế hoạch	Giải ngân	Tỷ lệ	Kế hoạch	Giải ngân	Tỷ lệ	
5	Cải tạo, nâng cấp tuyến quốc lộ 61 đoạn Km88+774 (nút giao QL.63 thị trấn Minh Lương, Châu Thành) đến Km96+074 (nút giao Rạch Sỏi, QL.80, thành phố Rạch Giá)				700	-	0.00%	
6	Đường ven sông Cái Lớn (đi qua huyện An Biên, U Minh Thượng, Vĩnh Thuận và một phần huyện Gò Quao)				809	-	0.00%	
7	Dự án đầu tư xây dựng công trình đường 3/2 nối dài (đường bộ ven biển tỉnh Kiên Giang - đoạn qua địa bàn thành phố Rạch Giá và huyện Châu Thành)				8,305	-	0.00%	
8	- Đầu tư xây dựng đường Phan Thị Ràng nối dài đến tuyến tránh thành phố Rạch Giá				69	-	0.00%	
9	- Đầu tư xây dựng đường tỉnh ĐT.970 nối dài (từ cầu Tám Ngàn đến đường ven biển Hòn Đất - Kiên Lương)				70	-	0.00%	
10	- Đầu tư xây dựng đường nối cầu Thử 11 kết nối đường bộ ven biển nối tỉnh Kiên Giang với tỉnh cà Mau				277	-	0.00%	
11	- Đầu tư xây dựng công trình Quốc lộ 63 (Thứ 7) kết nối đường bộ ven biển nối tỉnh Kiên Giang với tỉnh cà Mau				94	-	0.00%	
12	- Đầu tư xây dựng công trình đường từ ven biển Rạch Giá - Hòn Đất đến tuyến tránh thành phố Rạch Giá (ranh giới Rạch Giá - Hòn Đất)				47	-	0.00%	
13	- Đầu tư xây dựng công trình đường Nguyễn văn Cừ nối dài đến tuyến tránh thành phố Rạch Giá				55	-	0.00%	
14	Dự án đầu tư xây dựng công trình nâng cấp, mở rộng đường tỉnh ĐT.965				102	-	0.00%	
15	Đầu tư xây dựng công trình đường ven biển kết nối cảng An Thới				148	-	0.00%	
16	Đầu tư xây dựng công trình đường tỉnh ĐT.963 nối đến huyện Giang Thành				3,000	-	0.00%	
17	Đầu tư xây dựng công trình đường từ ĐT.965 (Công Sự) - sông Cái Lớn (U Minh Thượng)				293	-	0.00%	
18	Đầu tư xây dựng công trình đường tỉnh ĐT.965C - kết nối QL63				73	-	0.00%	
19	Đầu tư xây dựng công trình nâng cấp Quốc lộ 80 (đoạn nút giao N1 - Nguyễn Phúc Chu và Phương Thành - Cửa khẩu quốc tế Hà Tiên)				77,930	-	0.00%	
20	Dự án đầu tư xây dựng công trình đường bộ ven biển từ Hòn Đất đi Kiên Lương				528,000	16,210	3.07%	
I.6	Sở văn hóa thể thao	1,106	338	30.55%	69,576	29,112	41.84%	
1	Đầu tư xây dựng quảng trường trung tâm và tượng đài Bác Hồ tại phường Dương Đông, thành phố Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang				69,576	29,112	41.84%	

STT	Nội dung	Kế hoạch và giải ngân vốn kế hoạch các năm trước được kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân sang năm 2025			Kế hoạch và giải ngân năm 2025			Ghi chú
		Kế hoạch	Giải ngân	Tỷ lệ	Kế hoạch	Giải ngân	Tỷ lệ	
2	8058722 - Tu bổ, tôn tạo chùa Láng Cát. Hạng mục: Tu sửa trụ sở làm việc của Hội Đoàn kết sư sãi yêu nước tỉnh Kiên Giang	1,106	338	30.55%				
I.7	Sở Tài chính	-	-	-	125,000	-	0.00%	
1	Trả nợ gốc các khoản vay				13,500	-	0.00%	
2	Cấp vốn điều lệ cho Quỹ Hỗ trợ nông dân tỉnh				10,000	-	0.00%	
3	Vay thực hiện dự án “Chống chịu khí hậu tổng hợp và sinh kế bền vững đồng bằng sông Cửu Long”				101,500	-	0.00%	
I.8	BQL chuyên ngành Nông nghiệp và PTNT				1,698,238	187,617	11.05%	
1	Khu neo đậu tránh trú bão cho tàu cá kết hợp nâng cấp, mở rộng cảng cá đảo Thổ Châu, huyện Phú Quốc.				92,566	4,047	4.37%	
2	Dự án Kè chống sạt lở kết hợp bãi thải nạo vét khu neo đậu tránh trú bão cho tàu cá đảo Nam Du				291,382	7,112	2.44%	
3	Dự án đầu tư xây dựng 18 cống trên tuyến đê biển, ven biển tỉnh Kiên Giang				69,063	-	0.00%	
4	Dự án đầu tư xây dựng 03 cống Đầm Chích, Phú Mỹ, Xẻo Nhàu				472,530	136,191	28.82%	
5	Dự án phát triển thủy sản bền vững tỉnh Kiên Giang thuộc dự án SFDP.				28,643	150	0.52%	
6	Xây dựng hệ thống cấp nước thô liên huyện: An Biên-An Minh-U Minh Thượng-Vĩnh Thuận.				627,669	38,590	6.15%	
7	Dự án kết hợp bảo vệ vùng ven biển và phục hồi đại rừng ngập mặn tại Kiên Giang và Cà Mau				109,385	1,527	1.40%	
8	Dự án bảo vệ, phát triển rừng và phòng cháy chữa cháy rừng tỉnh Kiên Giang giai đoạn 2021-2025				7,000	-	0.00%	
I.9	Trung tâm nước sạch và VSMT nông thôn				36,929	1,759	4.76%	
1	Đầu tư mạng đường ống cấp nước đến hộ gia đình sau tuyến ống chính thuộc dự án công trình trữ nước và hệ thống cấp nước sinh hoạt tại các vùng khan hiếm nước, vùng bị ảnh hưởng xâm nhập mặn.				9,281	-	0.00%	
2	Trạm cấp nước ấp Bình Minh, huyện Vĩnh Thuận				12,991	-	0.00%	
3	Trạm cấp nước xã Vĩnh Phước A, huyện Gò Quao				10,498	99	0.95%	
4	Nâng cấp, mở rộng trạm cấp nước xã Đông Thái, huyện An Biên.				3,509	1,660	47.30%	

STT	Nội dung	Kế hoạch và giải ngân vốn kế hoạch các năm trước được kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân sang năm 2025			Kế hoạch và giải ngân năm 2025			Ghi chú
		Kế hoạch	Giải ngân	Tỷ lệ	Kế hoạch	Giải ngân	Tỷ lệ	
5	Nâng cấp, mở rộng trạm cấp nước xã Vĩnh Bình Bắc, huyện Vĩnh Thuận				650	-	0.00%	
I.10	BQL ĐTXD chuyên ngành Giao thông vận tải	-	-	-	48,365	-	0.00%	
1	Dự án đầu tư xây dựng công trình đường ven biển từ Rạch Giá đi Hòn Đất				6,700	-	0.00%	
2	Cầu Mỹ Thái (vượt kênh Rạch Giá - Hà Tiên)				34,765	-	0.00%	
3	Dự án đầu tư xây dựng công trình cảng hành khách Rạch Giá, phường Vĩnh Thanh, thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang				6,900	-	0.00%	
I.11	BQL các dự án ĐTXD chuyên ngành dân dụng và công nghiệp	-	-		285,235	28,746	10.08%	
1	8009358 - Đầu tư hệ thống nội thất và thiết bị trưng bày công trình Trung tâm triển lãm văn hóa nghệ thuật và bảo tồn di sản văn hóa tỉnh Kiên Giang				77,500	-	0.00%	
2	8002318 - Đầu tư nâng cấp, cải tạo công trình tại Trung tâm Phát sóng Hòn Me				10,450	-	0.00%	
3	8057915 - Hội trường và phòng họp trực tuyến Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân tỉnh Kiên Giang				19,782	700	3.54%	
4	dự án Cải tạo, sửa chữa nhà làm việc, các hạng mục phụ và mua sắm trang thiết bị trụ sở Thanh tra tỉnh Kiên Giang				5,723	-	0.00%	
5	Trường phổ thông Dân tộc nội trú Trung học cơ sở Hà Tiên				15,217	300	1.97%	
6	Trường phổ thông Dân tộc nội trú Trung học phổ thông Kiên Giang				7,653	200	2.61%	
7	Trường Trung học cơ sở Đông Hồ				19,000	496	2.61%	
8	Trường Trung học phổ thông Thạnh Đông				9,604	340	3.54%	
9	Trường Trung học cơ sở và Trung học phổ thông Nguyễn Hùng Hiệp, huyện Hòn Đất				10,366	200	1.93%	
10	Trường Trung học phổ thông Kiên Lương				9,430	300	3.18%	
11	Nha thi đấu Đa năng huyện Châu Thành				12,866	-	0.00%	
12	Nâng cấp, cải tạo Trường Trung cấp nghề Dân tộc nội trú tỉnh Kiên Giang				37,540	13,200	35.16%	
13	Nâng cao năng lực Trung tâm dịch vụ việc làm				104	-	0.00%	
14	Dự án Tu bổ, tôn tạo Di tích lịch sử quốc gia đặc biệt Trại giam Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang				50,000	13,010	26.02%	
I.12	Văn phòng tỉnh ủy				100,925	11	0.01%	

STT	Nội dung	Kế hoạch và giải ngân vốn kế hoạch các năm trước được kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân sang năm 2025			Kế hoạch và giải ngân năm 2025			Ghi chú
		Kế hoạch	Giải ngân	Tỷ lệ	Kế hoạch	Giải ngân	Tỷ lệ	
1	8010519 - Đầu tư xây dựng mới nhà làm việc các Ban của Tỉnh ủy và Đảng ủy Khối các cơ quan - Doanh nghiệp tỉnh (CBĐT)				32,495	-	0.00%	
2	Xây dựng mới và mua sắm thiết bị hội trường xã Hoà Hưng; xã Ngọc Chúc; xã Ngọc Thuận, huyện Giồng Riềng				9,938	-	0.00%	
3	Xây dựng mới và mua sắm thiết bị hội trường xã Thạnh Phước; sửa chữa nhà công vụ Huyện ủy Giồng Riềng, huyện Giồng Riềng				5,311	-	0.00%	
4	Xây dựng mới và mua sắm thiết bị hội trường xã Vĩnh Hòa Hưng Bắc; xã Định Hòa; xã Vĩnh Phước A, huyện Gò Quao				10,131	11	0.11%	
5	Xây dựng mới và mua sắm thiết bị nhà ăn Huyện ủy Gò Quao; sửa chữa và mua sắm thiết bị nhà công vụ Huyện ủy Gò Quao, huyện Gò Quao				4,696	-	0.00%	
6	Xây dựng mới và mua sắm thiết bị hội trường xã Phú Lợi; xã Vĩnh Điều, huyện Giang Thành				4,967	-	0.00%	
7	Xây dựng mới và mua sắm thiết bị hội trường xã Nam Thái; sửa chữa nhà làm việc các ban Đảng huyện An Biên; sửa chữa và mua sắm thiết bị nhà công vụ Huyện ủy huyện An Minh				7,531	-	0.00%	
8	Xây dựng mới và mua sắm thiết bị hội trường xã Bình An; sửa chữa và mua sắm thiết bị hội trường Huyện ủy Kiên Lương, huyện Kiên Lương				8,899	-	0.00%	
9	Xây dựng mới và mua sắm thiết bị hội trường xã Vĩnh Thuận; sửa chữa và mua sắm thiết bị nhà công vụ Huyện ủy Vĩnh Thuận, huyện Vĩnh Thuận; xây dựng mới và mua sắm thiết bị nhà ăn xã An Minh Bắc, huyện U Minh Thượng				7,678	-	0.00%	
10	Xây dựng mới và mua sắm thiết bị hội trường xã Sơn Kiên, huyện Hòn Đất; xây dựng mới và mua sắm thiết bị nhà ăn Huyện ủy Tân Hiệp, huyện Tân Hiệp				6,877	-	0.00%	
11	Xây dựng mới và mua sắm thiết bị nhà ăn Thành ủy; sửa chữa nhà công vụ Thành ủy, thành phố Phú Quốc				2,402	-	0.00%	
I.13	Ban dân tộc				2,409	-	-	
1	Đối ứng vốn Chương trình mục tiêu Quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030				2,409	-		Chưa phân khai chi tiết CTMT QG
I.14	Trường Cao đẳng nghề	-	-	-	3,400	-	0.00%	
1	7931834 - Xây dựng, sửa chữa trường Cao đẳng Nghề Kiên Giang				3,400	-	0.00%	
I.15	Ngân hàng Chính sách xã hội	-	-	-	103,000	-	0.00%	

STT	Nội dung	Kế hoạch và giải ngân vốn kế hoạch các năm trước được kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân sang năm 2025			Kế hoạch và giải ngân năm 2025			Ghi chú
		Kế hoạch	Giải ngân	Tỷ lệ	Kế hoạch	Giải ngân	Tỷ lệ	
1	Cho vay đối với người nghèo các đối tượng chính sách khác				80,000		0.00%	
2	Cho vay lao động đi làm việc ở nước ngoài theo Nghị quyết số 232/2019/NQ-HĐND ngày 27/6/2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc hỗ trợ người lao động đi làm việc ở nước ngoài				20,000		0.00%	
3	Cho vay người chấp hành xong án phạt tù				3,000		0.00%	
I.16	Sở lao động thương binh và xã hội				1,335	-	0.00%	
1	Đối ứng vốn Chương trình mục tiêu Quốc gia giảm nghèo bền vững				1,335	-	0.00%	Chưa phân khai chi tiết CTMT QG
I.17	Dự án chưa phân khai				3,468,888	-	0.00%	
I.18	Sở Thông tin Truyền thông				14,074	67	0.5%	
2	7941404 - Xây dựng cổng dữ liệu số của các cơ quan nhà nước tỉnh Kiên Giang				14,074	67	0.48%	
II	Huyện, thành phố quản lý	6,157	2,379	38.6%	3,984,680	83,181	2.09%	
1	Huyện Vĩnh Thuận				527,855	13,774	2.61%	
2	Huyện Hòn Đất				211,904	1,154	0.54%	
3	Huyện Gò Quao				213,740	2,578	1.21%	
4	Huyện An Minh	4,532	1,961	43.27%	88,850	-	0.00%	
5	Huyện Kiên Hải				44,930	4,902	10.91%	
6	Huyện An Biên				291,438	28,569	9.80%	
7	Huyện Châu Thành				93,267	1,437	1.54%	
8	Huyện Kiên Lương				298,917	987	0.33%	
9	Huyện Tân Hiệp				160,127	7,645	4.77%	
10	Thành phố Phú Quốc				247,671	3,391	1.37%	
11	Huyện Giồng Riềng	68	-	0.00%	130,788	3,830	2.93%	
12	Thành phố Hà Tiên				868,364	6,427	0.74%	
13	Huyện U Minh Thượng				86,783	4,847	5.59%	
14	Thành phố Rạch Giá	1,557	418	26.88%	646,811	3,641	0.56%	
15	Huyện Giang Thành				73,236	-	0.00%	

Kiên Giang, ngày 28 tháng 02 năm 2025



Dương Văn Đông